

## PHU LUC 1

### DANH MỤC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN AN TOÀN CỘNG ĐỒNG

(Phụ lục II - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ)

Mã số	Loại công trình		Cấp công trình
<b>I</b>	<b>CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG</b>		
I.1	Nhà ở	Nhà chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên	Cấp III trở lên
I.2	Công trình công cộng		
I.2.1	Công trình giáo dục		Cấp III trở lên
I.2.2	Công trình y tế		Cấp III trở lên
I.2.3	Công trình thể thao	Công trình thể thao ngoài trời (không bao gồm sân thể thao), công trình thể thao trong nhà	Cấp III trở lên
I.2.4	Công trình văn hóa	Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường	Cấp III trở lên
		Bảo tàng, thư viện, triển lãm	Cấp III trở lên
		Công trình vui chơi, giải trí và các công trình văn hóa tập trung đông người khác	Cấp III trở lên
I.2.5	Công trình thương mại, dịch vụ và trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp	Công trình đa năng, khách sạn; trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội, sự nghiệp và doanh nghiệp	Cấp III trở lên
		Trung tâm thương mại, siêu thị	Cấp III trở lên
		Nhà phục vụ thông tin liên lạc: bưu điện, bưu cục	Cấp II trở lên
		Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự khác	Cấp II trở lên
I.2.6		Cáp treo vận chuyển người	Mọi cấp
I.2.7	Nhà ga	Nhà ga hàng không	Mọi cấp
		Nhà ga đường thủy, nhà ga đường sắt, bến xe ô tô	Cấp III trở lên
<b>II</b>	<b>CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP</b>		
II.1	Công trình sản xuất vật liệu xây dựng		Cấp III trở lên
II.2	Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo		Cấp III trở lên

II.3	Công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản		Cấp III trở lên
II.4	Công trình dầu khí		Cấp III trở lên
II.5	Công trình năng lượng		Cấp III trở lên
II.6	Công trình hóa chất		Cấp III trở lên
II.7	Công trình công nghiệp nhẹ		Cấp III trở lên
<b>III</b>	<b>CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>		
III.1	Cấp nước		Cấp II trở lên
III.2	Thoát nước		Cấp II trở lên
III.3	Xử lý chất thải rắn		Cấp II trở lên
III.4	Công trình thông tin, truyền thông	Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS	Cấp III trở lên
		Đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông	Cấp II trở lên
III.5	Bãi đỗ xe ô tô, xe máy	Bãi đỗ xe ngầm	Cấp II trở lên
		Bãi đỗ xe nổi	Cấp II trở lên
III.6	Công cáp; hào và tuy nèn kỹ thuật	Tuy nèn kỹ thuật	Cấp II trở lên
<b>IV</b>	<b>CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>		
IV.1	Đường bộ	Đường ô tô cao tốc	Mọi cấp
		Đường ô tô, đường trong đô thị	Cấp I trở lên
		Bến phà	Cấp II trở lên
	Đường sắt		Mọi cấp
	Cầu	Cầu đường bộ, cầu bộ hành, cầu đường sắt, cầu phao	Cấp III trở lên
	Hầm	Hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm cho người đi bộ	Cấp III trở lên
		Hầm tàu điện ngầm (Metro)	Mọi cấp
IV.2	Công trình đường thủy nội địa	Cảng, bến thủy nội địa	Cấp III trở lên
		Đường thủy có bề rộng (B) và độ sâu (H) nước chạy tàu (bao gồm cả phao tiêu, công trình chỉnh trị)	Cấp III trở lên
IV.3	Công trình hàng hải		Cấp II trở lên

IV.4	Công trình hàng không	Khu bay (bao gồm cả các công trình bảo đảm hoạt động bay)	Mọi cấp
<b>V</b>	<b>CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>		
V.1	Công trình thủy lợi	Công trình cấp nước	Cấp II trở lên
		Hồ chứa nước	Cấp III trở lên
		Tường chắn	Cấp III trở lên
		Đập ngăn nước và các công trình thủy lợi chịu áp khác	Mọi cấp
V.2	Công trình đê điều		Mọi cấp

Lưu ý: Cấp công trình quy định chi tiết trong Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng

**DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
(Phụ lục II - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ)

TT	Dự án	Quy mô	Đối tượng phải báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Tất cả	Xác định theo các dự án cụ thể của Danh mục này
2.	Dự án có sử dụng đất của vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển; dự án có sử dụng đất của khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia;  Dự án làm mất rừng; chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng; chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa	Tất cả  Từ 5 ha trở lên đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Từ 10 ha trở lên đối với rừng tự nhiên; Từ 50 ha trở lên đối với các loại rừng khác;  Từ 5 ha trở lên đối với đất trồng lúa chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp.	Xác định theo các dự án cụ thể của Danh mục này
<b>Nhóm các dự án về xây dựng</b>			
3.	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, các khu dân cư	Có diện tích từ 5 ha trở lên	Không
4.	Dự án xây dựng mới hoặc cải tạo hệ thống thoát nước đô thị, thoát nước khu dân cư; nạo vét kênh mương, lòng sông, hồ	Có chiều dài công trình từ 10 km trở lên đối với dự án xây dựng mới hoặc cải tạo hệ thống thoát nước đô thị, thoát nước khu dân cư;  Có diện tích khu vực nạo vét từ 5 ha đối với các dự án nạo vét kênh mương, lòng sông, hồ hoặc có tổng khối lượng nạo vét từ 50.000 m <sup>3</sup> trở lên	Không
5.	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu thương mại, làng nghề và các khu sản xuất kinh doanh tập trung khác	Tất cả	Tất cả

6.	Dự án xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại	Có diện tích sàn từ 10.000 m <sup>2</sup> trở lên	Không
7.	Dự án xây dựng chợ hạng 1, 2 trên địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn	Tất cả	Không
8.	Dự án xây dựng cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở y tế khác	Từ 50 giường trở lên	Tất cả
9.	Dự án xây dựng cơ sở lưu trú du lịch, khu dân cư	Cơ sở lưu trú du lịch từ 50 phòng trở lên; Khu dân cư cho 500 người sử dụng hoặc 100 hộ trở lên	Không
10.	Dự án xây dựng khu du lịch; khu thể thao, vui chơi giải trí, sân golf	Có diện tích từ 10 ha trở lên	Không
11.	Dự án xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng	Có diện tích từ 20 ha trở lên đối với nghĩa trang; Tất cả đối với hỏa táng	Không
12.	Dự án xây dựng trung tâm huấn luyện quân sự, trường bắn, cảng quốc phòng, kho tàng quân sự, khu kinh tế quốc phòng	Tất cả	Không
13.	Dự án xây dựng có lấn biển	Có chiều dài đường bao ven biển từ 1.000 m trở lên hoặc diện tích lấn biển từ 5 ha trở lên	Không
<b>Nhóm các dự án sản xuất vật liệu xây dựng</b>			
14.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất xi măng, sản xuất clinke	Tất cả các dự án xây dựng cơ sở sản xuất xi măng; Sản xuất clinke công suất từ 100.000 tấn clinke/năm trở lên	Tất cả
15.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất gạch, ngói, tấm lợp fibro xi măng	Công suất từ 100 triệu viên gạch, ngói quy chuẩn/năm trở lên hoặc 500.000 m <sup>2</sup> tấm lợp fibro xi măng/năm trở lên	Tất cả
16.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất gạch ốp lát các loại	Công suất từ 500.000 m <sup>2</sup> /năm trở lên	Tất cả
17.	Dự án cơ sở sản xuất nguyên vật liệu xây dựng khác	Công suất từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
18.	Dự án sản xuất bê tông nhựa nóng, bê tông thương phẩm và các loại	Công suất từ 100 tấn sản phẩm/ngày trở lên	Không
<b>Nhóm các dự án về giao thông</b>			
19.	Dự án xây dựng công trình giao thông ngầm, cáp treo	Tất cả đối với công trình giao thông ngầm; cáp treo có chiều dài từ 500 m trở lên	Không
20.	Dự án xây dựng đường ô tô cao tốc,	Tất cả đối với đường ô tô cao tốc,	Không

	đường ô tô từ cấp I đến cấp III, đường cấp IV miền núi; đường sắt, đường sắt trên cao	đường ô tô từ cấp I đến cấp III; đường sắt, đường sắt trên cao; Từ 50 km trở lên đối với đường cấp IV miền núi	
21.	Dự án xây dựng cảng hàng không, sân bay (đường cất hạ cánh, nhà ga hàng hóa, nhà ga hành khách)	Tất cả đường cất hạ cánh, nhà ga hành khách; Nhà ga hàng hóa có công suất từ 200.000 tấn hàng hóa/năm trở lên	Không
22.	Dự án xây dựng cầu đường bộ, cầu đường sắt	Chiều dài từ 500 m trở lên (không kể đường dẫn)	Không
23.	Dự án xây dựng cảng sông, cảng biển; khu neo đậu tránh trú bão; dự án nạo vét luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa	Cảng sông, cảng biển tiếp nhận tàu trọng tải từ 1.000 DWT trở lên; Khu neo đậu tránh trú bão tiếp nhận tàu trọng tải từ 1.000 DWT trở lên; Nạo vét với khối lượng từ 50.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên	Không
24.	Dự án xây dựng bến xe khách, nhà ga đường sắt	Diện tích sử dụng đất từ 5 ha trở lên	Không
<b>Nhóm các dự án về điện tử, năng lượng, phóng xạ</b>			
25.	Dự án xây dựng lò phản ứng hạt nhân; dự án xây dựng nhà máy điện hạt nhân, nhà máy nhiệt điện	Tất cả	Tất cả
26.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng chất phóng xạ hoặc phát sinh chất thải phóng xạ	Tất cả các trường hợp có phát sinh chất thải phóng xạ trên ngưỡng miễn trừ cho phép	Không
27.	Dự án xây dựng nhà máy phong điện, quang điện, thủy điện	Trên diện tích từ 100 ha trở lên đối với nhà máy phong điện, quang điện; Có dung tích hồ chứa từ 100.000 m <sup>3</sup> nước trở lên hoặc công suất từ 10 MW trở lên đối với nhà máy thủy điện	Không
28.	Dự án xây dựng tuyến đường dây tải điện; trạm điện	Tuyến đường dây tải điện từ 110 kV trở lên; Trạm điện công suất 500 kV	Không
29.	Dự án sản xuất, gia công các thiết bị điện, điện tử và các linh kiện điện tử	Công suất từ 500.000 sản phẩm/năm trở lên đối với thiết bị điện tử, linh kiện điện, điện tử; Công suất từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với thiết bị điện	Tất cả các dự án có công đoạn xi mạ
<b>Nhóm các dự án liên quan đến thủy lợi, khai thác rừng, trồng trọt</b>			
30.	Dự án xây dựng công trình hồ chứa nước	Dung tích hồ chứa từ 100.000 m <sup>3</sup> nước trở lên	Không

31.	Dự án xây dựng công trình tưới, cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp	Tưới, tiêu thoát nước, cấp nước cho diện tích từ 500 ha trở lên	Không
32.	Dự án đê, kè bờ sông, bờ biển	Có chiều dài từ 1.000 m trở lên	Không
33.	Dự án khai thác rừng	Khai thác rừng diện tích từ 200 ha trở lên đối với rừng trồng là rừng sản xuất áp dụng phương thức chặt trắng, có lô thiết kế khai thác diện tích tập trung; Khai thác rừng tự nhiên từ 50 ha trở lên là rừng sản xuất áp dụng phương thức chặt trắng với diện tích tập trung	Không
34.	Dự án vùng trồng cây công nghiệp; vùng trồng cây thức ăn gia súc; vùng trồng cây dược liệu; vùng trồng rau, hoa tập trung	Diện tích từ 50 ha trở lên	Không
<b>Nhóm các dự án về thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản</b>			
35.	Dự án khai thác cát, sỏi, vật liệu san lấp mặt bằng	Khai thác cát, sỏi quy mô từ 50.000 m <sup>3</sup> vật liệu nguyên khai/năm trở lên; Khai thác vật liệu san lấp mặt bằng quy mô từ 100.000 m <sup>3</sup> vật liệu nguyên khai/năm trở lên	Không
36.	Dự án khai thác khoáng sản rắn (không sử dụng hóa chất chất độc hại, vật liệu nổ công nghiệp)	Có khối lượng mỏ (khoáng sản, đất đá thải) từ 50.000 m <sup>3</sup> nguyên khai/năm trở lên; Có tổng khối lượng mỏ (khoáng sản, đất đá thải) từ 1.000.000 m <sup>3</sup> nguyên khối trở lên	Tất cả
37.	Dự án thăm dò đất hiếm, khoáng sản có tính phóng xạ; dự án khai thác, chế biến khoáng sản rắn có sử dụng hóa chất độc hại hoặc vật liệu nổ công nghiệp; dự án chế biến, tinh chế kim loại màu, kim loại phóng xạ, đất hiếm	Tất cả	Tất cả, trừ các dự án thăm dò
38.	Dự án chế biến khoáng sản rắn không sử dụng hóa chất độc hại	Công suất từ 50.000 m <sup>3</sup> sản phẩm/năm trở lên; Có tổng lượng đất đá thải ra từ 500.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên	Tất cả
39.	Dự án khai thác nước cấp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt	Công suất khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> nước/ngày đêm trở lên đối với nước dưới đất; Công suất khai thác từ 50.000 m <sup>3</sup> nước/ngày đêm trở lên đối với nước mặt	Không

40.	Dự án khai thác nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên (dưới đất hoặc lộ ra trên mặt đất)	Công suất khai thác từ 200 m <sup>3</sup> nước/ngày đêm trở lên đối với nước sử dụng để đóng chai; Công suất khai thác từ 500 m <sup>3</sup> nước/ngày đêm trở lên đối với nước sử dụng cho mục đích khác	Không
41.	Dự án tuyển, làm giàu đất hiếm, khoáng sản có tính phóng xạ	Công suất từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
<b>Nhóm các dự án về dầu khí</b>			
42.	Dự án khai thác dầu, khí	Tất cả	Tất cả
43.	Dự án xây dựng nhà máy lọc hóa dầu (trừ các dự án chiết nạp LPG, pha chế dầu nhờn), sản xuất sản phẩm hóa dầu, dung dịch khoan, hóa phẩm dầu khí; dự án xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu, khí; dự án xây dựng khu trung chuyển dầu, khí	Tất cả các dự án xây dựng nhà máy lọc hóa dầu (trừ các dự án chiết nạp LPG, pha chế dầu nhờn), cơ sở sản xuất sản phẩm hóa dầu, dung dịch khoan, hóa phẩm dầu khí có công suất từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên; tuyến đường ống dẫn dầu, khí có chiều dài từ 20 km trở lên; Tất cả các dự án xây dựng khu trung chuyển dầu, khí	Tất cả các dự án xây dựng nhà máy lọc hóa dầu, sản xuất sản phẩm hóa dầu (trừ các dự án chiết nạp LPG, pha chế dầu nhờn)
44.	Dự án xây dựng kho xăng dầu, cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Có dung tích chứa từ 200 m <sup>3</sup> trở lên	Không
<b>Nhóm các dự án về xử lý, tái chế chất thải</b>			
45.	Dự án xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại	Tất cả đối với chất thải nguy hại; Công suất từ 10 tấn/ngày trở lên đối với chất thải rắn thông thường	Thực hiện theo quy định về quản lý chất thải và phế liệu
46.	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải đô thị tập trung hoặc nước thải công nghiệp tập trung	Tất cả	Không
<b>Nhóm các dự án về cơ khí, luyện kim</b>			
47.	Dự án xây dựng nhà máy luyện kim	Tất cả đối với dự án có sử dụng nguyên liệu là phế liệu; Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với dự án sử dụng nguyên liệu khác	Tất cả
48.	Dự án xây dựng cơ sở cán, kéo kim loại	Công suất từ 2.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Không
49.	Dự án xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thủy	Cho tàu có trọng tải từ 1.000 DWT trở lên	Tất cả
50.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, sửa	Có năng lực sản xuất từ 500 công-ten-	Không



	chữa, công-ten-nơ, rơ móc	nơ, rơ móc/năm trở lên; Có năng lực sửa chữa từ 2.500 công-ten-nơ, rơ móc/năm trở lên	
51.	Dự án xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa, lắp ráp đầu máy, toa xe	Tất cả	Không
52.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, sửa chữa, lắp ráp xe máy, ô tô	Công suất từ 5.000 xe máy/năm trở lên; Công suất từ 500 ô tô/năm trở lên	Tất cả các dự án có công đoạn xi mạ
53.	Dự án xây dựng cơ sở chế tạo máy móc, thiết bị công cụ	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Không
54.	Dự án xây dựng cơ sở mạ, phun phủ và đánh bóng kim loại	Công suất từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
55.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất nhôm, thép định hình	Công suất từ 2.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Không
56.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang thiết bị kỹ thuật quân sự	Tất cả	Tất cả
<b>Nhóm các dự án chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ</b>			
57.	Dự án xây dựng cơ sở chế biến gỗ, dăm gỗ từ gỗ tự nhiên	Công suất từ 3.000 m <sup>3</sup> sản phẩm/năm trở lên	Không
58.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất ván ép	Công suất từ 100.000 m <sup>2</sup> /năm trở lên	Tất cả
59.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất đồ gỗ	Có tổng diện tích kho, bãi, nhà xưởng từ 10.000 m <sup>2</sup> trở lên	Không
60.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất thủy tinh, gốm sứ	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm hoặc 10.000 sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
61.	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất bóng đèn, phích nước	Công suất từ 1.000.000 sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
<b>Nhóm các dự án sản xuất, chế biến thực phẩm</b>			
62.	Dự án xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến lương thực, thực phẩm	Công suất từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
63.	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Công suất từ 200 gia súc/ngày trở lên; 3.000 gia cầm/ngày trở lên	Tất cả
64.	Dự án xây dựng cơ sở chế biến thủy sản, bột cá, các phụ phẩm thủy sản	Công suất từ 100 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
65.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất đường	Công suất từ 10.000 tấn đường/năm trở lên	Tất cả
66.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất cồn, rượu	Công suất từ 500.000 lít sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
67.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất bia, nước giải khát	Công suất từ 10.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên	Tất cả các dự án xây dựng cơ sở

			sản xuất bia
68.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất bột ngọt	Công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
69.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, chế biến sữa	Công suất từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
70.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, chế biến dầu ăn	Công suất từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
71.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất bánh, kẹo	Công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
72.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất nước lọc, nước tinh khiết đóng chai	Công suất từ 2.000 m <sup>3</sup> nước/năm trở lên	Không
<b>Nhóm các dự án chế biến nông sản</b>			
73.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất thuốc lá điếu, cơ sở chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công suất từ 100.000.000 điếu/năm trở lên; Công suất từ 1.000 tấn nguyên liệu/năm trở lên	Tất cả đối với dự án xây dựng cơ sở sản xuất thuốc lá điếu
74.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, chế biến nông, sản, tinh bột các loại	Công suất từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với công nghệ sản xuất, chế biến khô; Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với công nghệ sản xuất, chế biến ướt	Tất cả
75.	Dự án xây dựng cơ sở chế biến chè, hạt điều, ca cao, cà phê, hạt tiêu	Công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với công nghệ chế biến khô; Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với công nghệ chế biến ướt	Tất cả các dự án sử dụng công nghệ chế biến ướt có công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
<b>Nhóm các dự án chăn nuôi và chế biến thức ăn chăn nuôi</b>			
76.	Dự án xây dựng cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
77.	Dự án xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản	Diện tích mặt nước từ 10 ha trở lên, riêng các dự án nuôi quảng canh từ 50 ha trở lên	Không
78.	Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; chăn nuôi, chăm sóc động vật hoang dã tập trung	Có quy mô chuồng trại từ 1.000 m <sup>2</sup> trở lên đối với gia súc, gia cầm; Có quy mô chuồng trại từ 500 m <sup>2</sup> trở lên đối với động vật hoang dã	Tất cả các dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại từ 1.000 m <sup>2</sup> trở lên
<b>Nhóm dự án sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật</b>			

79.	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân hóa học	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
80.	Dự án xây dựng kho chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón	Kho từ 500 tấn trở lên đối với thuốc bảo vệ thực vật, 5.000 tấn đối với phân bón	Không
81.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Tất cả	Tất cả
82.	Dự án xây dựng cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật	Công suất từ 300 tấn sản phẩm/năm trở lên	Không
83.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất phân hữu cơ, phân vi sinh	Công suất từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
<b>Nhóm các dự án về hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm, nhựa, chất dẻo</b>			
84.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất dược phẩm, thuốc thú y; dự án sản xuất nguyên liệu làm thuốc (bao gồm cả nguyên liệu hóa dược và tá dược)	Tất cả đối với sản xuất vắc xin; Công suất từ 50 tấn sản phẩm/năm trở lên đối với thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc (bao gồm cả nguyên liệu hóa dược và tá dược) và dược phẩm khác	Tất cả
85.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất hóa mỹ phẩm	Công suất từ 50 tấn sản phẩm/năm trở lên	Không
86.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất hóa chất, chất dẻo, các sản phẩm từ chất dẻo, sơn	Công suất từ 100 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
87.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất các sản phẩm nhựa, hạt nhựa	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
88.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất chất tẩy rửa, phụ gia	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
89.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ, hỏa cụ	Tất cả	Tất cả
90.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất thuốc nổ công nghiệp; kho chứa thuốc nổ cố định; kho chứa hóa chất	Tất cả đối với cơ sở sản xuất thuốc nổ công nghiệp, kho chứa thuốc nổ cố định từ 5 tấn trở lên; Từ 500 tấn trở lên đối với kho chứa hóa chất	Tất cả
91.	Dự án xây dựng vùng sản xuất muối từ nước biển	Diện tích từ 100 ha trở lên	Không
<b>Nhóm các dự án sản xuất giấy và văn phòng phẩm</b>			
92.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất bột giấy và giấy từ nguyên liệu thô	Công suất từ 300 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
93.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất giấy, bao bì cát tông từ bột giấy hoặc phế liệu	Công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
94.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất văn phòng phẩm	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả

<b>Nhóm các dự án về dệt nhuộm và may mặc</b>			
95.	Dự án xây dựng cơ sở nhuộm, dệt có nhuộm	Tất cả	Tất cả
96.	Dự án xây dựng cơ sở dệt không nhuộm	Công suất từ 10.000.000 m <sup>2</sup> vải/năm trở lên	Không
97.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất và gia công các sản phẩm dệt, may	Công suất từ 50.000 sản phẩm/năm trở lên nếu có công đoạn giặt tẩy; Công suất từ 2.000.000 sản phẩm/năm trở lên nếu không có công đoạn giặt tẩy	Tất cả các dự án có công đoạn giặt tẩy
98.	Dự án xây dựng cơ sở giặt là công nghiệp	Công suất từ 50,000 sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
99.	Dự án sản xuất sợi tơ tằm, sợi bông, sợi nhân tạo	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
<b>Nhóm các dự án khác</b>			
100.	Dự án xây dựng cơ sở phá dỡ tàu cũ, vệ sinh súc rửa tàu	Tất cả	Tất cả
101.	Dự án xây dựng cơ sở chế biến cao su, mủ cao su	Công suất từ 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
102.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất các sản phẩm trang thiết bị y tế từ nhựa và cao su y tế	Công suất từ 100.000 sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
103.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất giấy dếp	Công suất từ 1.000.000 đôi/năm trở lên	Không
104.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất săm lốp cao su các loại	Công suất từ 50.000 sản phẩm/năm trở lên đối với sản xuất săm lốp cao su ô tô, máy kéo; từ 100.000 sản phẩm/năm trở lên đối với xe đạp, xe máy	Tất cả
105.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất mực in, vật liệu ngành in khác	Công suất từ 500 tấn mực in và từ 1.000 sản phẩm/năm trở lên đối với các vật liệu ngành in khác	Tất cả
106.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất ắc quy, pin	Công suất từ 50.000 KWh/năm trở lên hoặc từ 100 tấn sản phẩm/năm trở lên	Tất cả
107.	Dự án xây dựng cơ sở thuộc da	Tất cả	Tất cả
108.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất gas CO <sub>2</sub> chiết nạp hóa lỏng, khí công nghiệp	Công suất từ 3.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Không
109.	Dự án di dân tái định cư	Từ 300 hộ trở lên	Không
110.	Dự án bãi tập kết nguyên nhiên vật liệu, phế liệu	Từ 1 ha trở lên	Tất cả
111.	Dự án không thuộc danh mục từ 1 đến 110 có tổng lượng nước thải công nghiệp từ 500 m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên hoặc	Tất cả	Tất cả

	từ 200.000 m <sup>3</sup> khí thải/giờ hoặc 5 tấn chất thải rắn/ngày đêm trở lên		
112.	Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất	Có quy mô, công suất tới mức tương đương với dự án thứ tự từ 1 đến 110	Xác định theo dự án cụ thể của Danh mục này
113.	Dự án có hạng mục với quy mô tương đương hoặc tính chất tương tự các dự án thứ tự từ 1 đến 110 của Phụ lục này	Tất cả	Xác định theo dự án cụ thể của Danh mục này